

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BA  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28** /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 tháng 6 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Lệ Thanh**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phùng Văn Tân**;

2. Ông **Đào Trung Kiên**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trần Đình Hòa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba:* Bà **Nguyễn Phương Anh**  
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2022/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1987 (có mặt)

ĐKKH: Khu 21, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở: Khu 4, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 21, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Hồng Q kết hôn với nhau ngày 29/9/2006, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T ( nay là xã H), huyện T, tỉnh Phú Thọ, do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn 2 vợ chồng sống cùng gia đình anh Q. Tình cảm vợ chồng hòa thuận.

Từ năm 2018 , vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn do anh Q thường rượu say đánh vợ con. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ năm 2018 vợ chồng chị đã sống ly thân

cho đến nay. Gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nay tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quyết.

Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 22/5/2007. Hiện nay con chung đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có đất nông nghiệp chung, không có công sức làm dâu, làm rể nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và tại giai đoạn hòa giải, chuẩn bị xét xử:** Tòa án đã tiến hành gửi giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án. Gia đình anh Nguyễn Hồng Q đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và hứa thông báo cho anh Q, nhưng anh Q không có mặt nên không trình bày, viết bản tự khai, không công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Tiến Đ - bố đẻ anh Nguyễn Hồng Q thừa nhận: Chị T và anh Q mâu thuẫn do anh Q mãi chơi, không chăm lo kinh tế và không quan tâm đến vợ con, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau. Anh Q đi làm ăn tại Hà Nội nhưng địa chỉ cụ thể thì gia đình không biết. Anh Q vẫn liên lạc thường xuyên qua điện thoại hỏi thăm gia đình. Gia đình ông đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo ngay cho anh Q biết. Lý do tại sao anh Q không đến Tòa án làm việc thì ông không rõ.

Bà Trần Thị L - Trưởng khu dân cư số 21 xã H cho biết: Anh Q có hộ khẩu tại khu 21 xã H, chưa chuyển khẩu hay xin tạm vắng ở địa phương. Thỉnh thoảng anh Q có về địa phương rồi lại đi ngay.

Xác minh tại Công an xã H được biết công dân Nguyễn Hồng Q có hộ khẩu tại khu 21 xã H và chưa lần thủ tục gì về việc chuyển nơi cư trú.

UBND xã Hanh Cù cho biết thu nhập bình quân lao động tại địa phương là 37.100.000đ/năm (3.100.000đ/ tháng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba có quan điểm: Việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử từ khi nhận đơn, thụ lý, thông báo hòa giải, đưa vụ án ra xét xử hoàn toàn đúng pháp luật. Việc tuân thủ quy định của pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật. Việc tuân thủ quy định của pháp luật của bị đơn là chưa đúng pháp luật. Quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 56, điều 81, 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T. Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng Q. giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 22/5/2007. Hiện nay con chung đang sống cùng chị T. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu. Hai bên có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm. Chị T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Hồng Q đã được Tòa án triệu tập, giao các văn bản tố tụng, nhưng anh Quyết vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Hồng Q là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật. Bởi lẽ, anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của Pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là từ năm 2008, do anh Q thường rượu say đánh chửi vợ con. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ 2018 cho đến nay. Anh Q không có lời khai trình bày, vắng mặt không tham gia tại các buổi hòa giải và tại phiên xét xử. Ông Đ - bố anh Q cũng khẳng định vợ chồng chị T, anh Q mâu thuẫn là anh Q mãi chơi, không chăm lo kinh tế và không quan tâm đến vợ con và hiện vợ chồng anh Q, chị T không còn chung sống với nhau. Qua xác minh, chính quyền địa phương xác nhận: Hiện tại anh Q vẫn có hộ khẩu tại khu 21 xã H. Suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh Q không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ anh Q cũng không mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này. Từ những căn cứ trên khẳng định quan hệ vợ chồng chị T, anh Q đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[3] Về con chung:** Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Hồng Q có một con chung là Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 14/5/2008. Hiện nay cháu Thủy T đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh Q phải đóng góp nuôi con chung. Anh Q không có mặt nên không có quan điểm về nuôi con. Cháu Nguyễn Thị Thủy T có quan điểm khi bố mẹ ly hôn cháu xin ở với mẹ. Để tránh sáo trộn cuộc sống và sự phát triển của con chung, HĐXX xét thấy đề nghị của chị T là phù hợp cần chấp nhận.

**[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất nông nghiệp:** Chị Phạm Thị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung, không có đất nông nghiệp, không có công sức đóng góp với hai bên gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do anh Nguyễn Hồng Q vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu.

**[5] Về án phí:** Chị Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

\* **Về quan hệ hôn nhân:** Xử: Cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng Q.

\* **Về con chung:** Xử: giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 22/5/2007. Cháu T đang sống cùng chị T. Anh Nguyễn Hồng Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Hai bên có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

\* **Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất ruộng:** Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác, khi đương sự có yêu cầu.

\* **Về án phí:** Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2020/0003351 ngày 15/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ./

### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS;
- Lưu AV,HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Lệ Thanh**